

NHỮNG QUAN ĐIỂM CỐT LÕI VÀ VẤN ĐỀ ƯU TIÊN TRONG CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THIỂU SỐ CỦA TRUNG QUỐC TỪ SAU CẢI CÁCH, MỞ CỬA ĐẾN NAY¹

TS. Trần Văn Hà
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Trên cơ sở cập nhật tài liệu xuất bản và trao đổi khoa học với các nhà nghiên cứu dân tộc học/nhân học Trung Quốc, bài viết đi sâu phân tích quan điểm tiếp cận mới và sự điều chỉnh chính sách dân tộc của Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa từ sau cải cách, mở cửa đến nay. Tác giả cũng nhấn mạnh việc điều chỉnh chính sách dân tộc của Trung Quốc thời hiện đại gắn liền với chính sách phát triển vùng biên giới của quốc gia này với các nước láng giềng phía Nam và Tây Nam, trong đó có Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Từ khóa: Chính sách, chính sách dân tộc thiểu số, Trung Quốc.

Mở đầu

Từ khi thực hiện công cuộc cải cách, mở cửa (năm 1978) đến nay, chính sách dân tộc thiểu số của Trung Quốc đã có những thay đổi lớn về kinh tế và văn hóa, giáo dục ở các vùng dân tộc và khu tự trị. Đến nay, Trung Quốc đã cho phép các tỉnh, khu tự trị dân tộc thực thi những cơ chế đặc thù, giải pháp linh hoạt về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, nhưng đều phải dựa trên nền tảng chính sách phát triển dân tộc thiểu số chung của quốc gia. Về đại cục, trong bối cảnh

mới, quan điểm chính sách dân tộc cùng hướng tới chính sách chung “*một vành đai, một con đường*” (One Belt, One Road), trong đó chú trọng đến mối quan hệ với các dân tộc thuộc cộng đồng Đông Nam Á. Tuy nhiên, thời gian qua trong các công trình nghiên cứu ở Việt Nam chỉ dừng lại ở việc tìm hiểu những nội dung lớn liên quan đến chính sách dân tộc của Trung Quốc thời hiện đại mà chưa đi sâu tìm hiểu quan điểm cốt lõi và chính sách ưu tiên ở vùng biên giới trong thời kỳ cải cách, mở cửa (Đặng Thành Đạt, 2007; Nguyễn Văn Căn (chủ biên), 2009; Lê Ngọc Thắng, 2010; Phan Văn Hùng, 2015; Vương Xuân Tình, 2011; Vũ Đình Mười, 2015...).

Bài viết này dựa trên những dữ liệu từ các công trình nghiên cứu ở Việt Nam, Trung Quốc và trao đổi khoa học với các nhà dân tộc học/nhân học của các Trường

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu thuộc đề tài cấp Nhà nước “*Nghiên cứu chính sách dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới, đề xuất bổ sung, hoàn thiện chính sách dân tộc ở Việt Nam*”, Mã số: CTDT.07.16/16-20 (2016 - 2018), do TS. Nguyễn Đình Cung, Viện Quản lý kinh tế Trung ương làm Chủ nhiệm.

Đại học Văn Nam, Trường Đại học dân tộc Quảng Tây và Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam (Đại học Chiết Giang) thời gian gần đây², nhằm góp phần tìm hiểu quan điểm mới trong xây dựng và thực thi chính sách dân tộc thiểu số được Trung Quốc ưu tiên ở vùng biên cương. Trên cơ sở đó, hàm ý để các cơ quan xây dựng chính sách dân tộc và các nhà dân tộc học/nhân học nước ta có thể nhận diện ảnh hưởng của chính sách dân tộc Trung Quốc đương đại đối với các dân tộc vùng biên giới của các quốc gia láng giềng, trong đó có Việt Nam.

1. Những quan điểm cốt lõi trong xây dựng chính sách dân tộc thiểu số của Trung Quốc

Từ cuối năm 1999, chính sách dân tộc thiểu số và công tác dân tộc của Trung Quốc được xác định có mối quan hệ hữu cơ với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) mang màu sắc Trung Quốc, hướng tới xây dựng xã hội Trung Quốc toàn diện khá giả. Vì vậy, so với giai đoạn trước đó, quan điểm tiếp cận và chính sách dân tộc đã có sự điều chỉnh “từng bước và thận trọng” cho phù hợp với công cuộc cải cách, mở cửa phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời, tham gia sâu hơn vào hợp tác với các quốc gia, dân tộc ở Đông Nam Á trong xu thế toàn cầu hóa. Chính sách dân tộc được xác định là “một vấn đề quan trọng và lâu dài liên quan đến sự nghiệp xây dựng CNXH của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Giải quyết ổn thỏa vấn đề dân tộc sẽ giúp đỡ

thúc đẩy sự nghiệp xây dựng CNXH mang màu sắc Trung Quốc; con đường CNXH mang màu sắc Trung Quốc là con đường căn bản để giải quyết vấn đề dân tộc ở Trung Quốc” (Đặng Thành Đạt, 2007, tr. 98).

Theo phân tích của các học giả Trung Quốc và những nghiên cứu về Trung Quốc, quan điểm mới về công tác dân tộc và xây dựng chính sách dân tộc thiểu số của Trung Quốc thời kỳ này tuy còn những khía cạnh cần được nhìn nhận cho cập nhật hơn với thực tế đang diễn ra ở các vùng khác nhau do phát triển kinh tế mở cửa biên giới, song về đại thể, có thể khái quát ở một số vấn đề cốt lõi được thể chế hóa như sau:

Một là, tiếp tục khai thác, kế thừa giá trị chính sách “yên cương” đối với các dân tộc thiểu số từ các triều đại phong kiến Hán, Nguyên, Minh, Thanh trong bối cảnh mới. Về nguyên tắc, chính sách “yên cương” là để thực hiện việc gắn bó chặt chẽ các vùng biên cương với chính quyền trung ương trong mọi hoạt động liên quan. Giải pháp cụ thể là, chính quyền trung ương sử dụng quan hệ điều phối. Thực chất của kế sách này là “dùng người dân tộc thiểu số để quản lý người dân tộc thiểu số”.

Thực thi kế sách giữ yên vùng biên cương, thông qua việc đề cao vai trò của các dân tộc thiểu số chính là tạo ra vùng đệm an toàn đối với chính quyền trung ương. Dùng mưu lược để “*phủ dụ, quản lý*” thông qua người đồng tộc tại chỗ. Phương châm quản lý của các triều đại phong kiến là: Quốc sư Trung Nguyên, binh lính triều đình, thủ lĩnh dân tộc thiểu số. Ở phương diện khác, theo một số học giả Trung Quốc, chính sách *yên cương* xuất phát từ nhìn nhận: Chính sách

² GS. TS. Lý Hữu Bân và TS. Vương Tân, Đại học Văn Nam; GS. TS. Đặng Thành Đạt, Đại học Dân tộc Quảng Tây; GS. Hoàng Hưng Cầu, Trung tâm nghiên cứu Việt Nam, Đại học Chiết Giang, Trung Quốc.

của Trung Nguyên không thể áp dụng chung cho các vùng dân tộc thiểu số khác nhau.

Những năm sau khi Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời (1949), chính sách “*thay đất, xoay dòng*”, “*dùng Hạ thay Di*” và lưu quan của nhà Thanh được coi là một trong những di sản tiếp tục được kế thừa nhằm giảm bớt sự cách biệt về văn hóa, kinh tế, xã hội giữa các vùng dân tộc thiểu số với vùng thấp.

Từ sau năm 1978 đến nay, trong chính sách dân tộc thiểu số, đặc biệt là công tác cán bộ chính quyền trung ương, về cơ bản vẫn dựa trên kinh nghiệm cách thức quản lý truyền thống. Cơ chế quản lý đối với vùng dân tộc thiểu số cụ thể tại các tỉnh phía Tây và Tây Nam Trung Quốc dựa trên mô hình phân cấp hành chính: cấp tỉnh, khu tự trị, châu, huyện và xã. Cấp xã là cấp thực hiện và hưởng lợi chính sách.

Hai là, *quan điểm thực hiện chính sách “mềm dẻo” đối với các dân tộc thiểu số*. Thực hiện việc mở cửa biên giới và phát triển kinh tế, mở rộng giao lưu giữa các dân tộc trong nước và với các dân tộc nước láng giềng, Trung Quốc nhìn nhận rằng, sự phát triển kinh tế diễn ra nhanh hơn đối với chuyển đổi và giao lưu văn hóa. Vì vậy, chính sách này một mặt giúp các dân tộc thiểu số thay đổi phương thức sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất thấp kém phải được ưu tiên hơn so với các vùng khác; đồng thời, có chính sách bảo tồn nền văn hóa của các tộc người. Quá trình này được tiến hành song song và hết sức “*mềm dẻo*”.

Chính sách “*mềm dẻo*” được thể hiện ở chỗ tạo ra sự thống nhất giữa chính quyền trung ương và địa phương qua chính sách thu thuế. Áp dụng cách thức dựa vào từng

điều kiện cụ thể mỗi vùng và dân tộc mà sử dụng công cụ thuế phù hợp. Mục đích để chính quyền địa phương và vùng dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển kinh tế nhanh hơn, nhưng vẫn ý thức về nghĩa vụ công dân đối với quốc gia. Về lĩnh vực văn hóa, do có sự khác biệt giữa những nền văn hóa của các dân tộc thiểu số, nên trong quá trình phát triển kinh tế, đối với các dân tộc đang trong điều kiện khó khăn thì áp dụng đầu tư hỗ trợ toàn diện. Song, không can thiệp vào nền văn hóa truyền thống của họ. Đối với những dân tộc phát triển hơn, thông qua phát triển kinh tế, chính quyền trung ương chú trọng tăng cường giáo dục văn hóa quốc gia.

Ba là, *điều chỉnh công tác dân tộc và chính sách dân tộc thiểu số theo quan điểm: cơ chế nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (XHCHN) và cải cách mở cửa biên giới*. Quan điểm này đã và đang được không ít các học giả, các nhà quản lý thực tế quan tâm và có những ý kiến tại các diễn đàn khoa học liên quan đến công tác giảng dạy, nghiên cứu. Vì trong giai đoạn này, Trung Quốc xác định: phát triển kinh tế là nhiệm vụ hàng đầu của công tác dân tộc thiểu số.

Sự phát triển đó dựa trên tinh thần “*Hợp tác kỹ thuật, viện trợ kỹ thuật*” và dựa trên nguyên tắc: *ưu đãi lẫn nhau, hai bên đều có lợi ích*. Mỗi tỉnh, thành phố phát đạt phải có trách nhiệm hỗ trợ liên kết, giúp đỡ các tỉnh, thành phố, khu tự trị chưa phát đạt. Vấn đề này đã được qui định cụ thể trong văn kiện “*Kỷ yếu Toạ đàm công tác vùng kinh tế phát triển giúp đỡ chi viện vùng dân tộc thiểu số*” (Ngày 11/1/1983). Cụ thể: Giang Tô chi viện Khu tự trị dân tộc Choang ở tỉnh Quảng Tây và tỉnh Tân Cương; thành phố Thượng Hải chi viện cho 2 tỉnh Vân Nam và Ninh Hạ; cả nước chi viện cho Tây

Tạng; Nội Mông Cổ do Thủ đô Bắc Kinh chi viện;... Đồng thời với công tác chi viện, công tác đánh giá tình hình phát triển thương mại vùng dân tộc thiểu số được Chính phủ và giao cho cơ quan Bộ giảm thuế đối với một số đồ dùng đặc thù, cấp thiết cho người dân. Nhà nước chịu bù lỗ cước cho các mặt hàng hạn giá cao về công nghiệp, hạn giá tối thiểu đối với mặt hàng nông lâm sản.

Quan điểm là hỗ trợ tối đa phát triển dân tộc thiểu số, dựa trên tình hình cụ thể mà áp dụng, không cào bằng. Chính phủ Trung ương tiếp tục áp dụng hai chính sách đồng thời: vừa bao cấp vừa thị trường. Bao cấp cho các dân tộc vùng khó khăn ở biên cương như đầu tư cơ sở hạ tầng, trợ cước đối với lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu. Thực hiện cơ chế thị trường đối với vùng thấp và vùng giữa nơi có điều kiện phát triển hơn so với vùng biên cương.

Tạo cơ chế cho việc phát huy tính tự trị cấp xã và mở rộng tính nhân văn đối với các thôn bản đặc biệt. Cấp xã được toàn quyền xây dựng, triển khai và điều hành kế hoạch liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương. Cấp thôn bản do điều kiện phân bố hộ dân rải rác, không tập trung do điều kiện địa hình phức tạp được quyền tự chủ như cấp xã.

Bốn là, tiếp tục dựa vào nguyên tắc lập pháp để mở rộng và triển khai các quan điểm mới về chế độ tự trị khu vực dân tộc, từng bước cụ thể hóa công tác dân tộc và xây dựng chính sách dân tộc trong giai đoạn cải cách mở cửa biên giới, phát triển nền kinh tế thị trường XHCN. Hiến pháp năm 1982 của Trung Quốc đã cụ thể hóa vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc thiểu số hơn so với các bản hiến pháp trước đây. Bản hiến

pháp này chú trọng hơn đến địa phương tự trị dân tộc. Điều này chứng tỏ, chế độ tự trị khu vực dân tộc là chế độ chính trị cơ bản của Nhà nước³, được luật hóa bằng Luật tự trị khu vực dân tộc có hiệu lực từ năm 1984.

2. Một số vấn đề ưu tiên của chính sách dân tộc thiểu số

2.1. Thực hiện cải cách, mở cửa biên giới, ưu tiên phát triển kinh tế dân tộc thiểu số

Thực hiện chủ trương cải cách, mở cửa biên giới, bước đi đầu tiên của Chính phủ Trung Quốc là phê chuẩn các thành phố mở cửa. Tỉnh Quảng Tây gồm 2 thành phố là Đông Hưng và Bằng Tường; tỉnh Vân Nam gồm các thành phố Hà Khẩu, Văn Đình và Nhuệ Ly; vùng phía Bắc có các thành phố Mãn Châu Lý của Nội Mông cổ; phía Tây và Tây Bắc là các thành phố: Y Ninh, Bác Lạc của tỉnh Tân Cương và Xuân Huy của tỉnh Cát Lâm. Về sau, các thành phố mở cửa nội địa được phê chuẩn tiếp là Côn Minh, Nam Ninh và Urimqi. Những thành phố này được hưởng chế độ chính sách ưu đãi như thành phố ven biển khác của Trung Quốc. Sau đó 2 năm, 7 châu, huyện tự trị khác nhận được quyết định thử nghiệm của Ủy Ban cải cách thể chế và Ủy ban Dân tộc trung ương ký về cải cách mở cửa vùng dân tộc thiểu số. Theo cách thức vừa thử nghiệm vừa rút kinh nghiệm, toàn bộ tiến trình mở cửa các vùng dân tộc thiểu số của Trung Quốc, kể cả biên giới và nội địa, về đại cục được hình thành cơ bản vào cuối năm 1994 (Đặng Thành Đạt, 2007, tr. 99).

³ Luật Tự trị khu vực dân tộc Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, năm 1984. Lời mở đầu.

Chính sách khác ưu đãi đối với các dân tộc thiểu số cũng được thực thi là sản xuất đồ tiêu dùng, thực hiện miễn giảm thuế và ưu đãi mậu dịch, cho vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh với lãi suất thấp; hỗ trợ 100% vật tư để các hộ gia đình thuộc diện làng văn hóa du lịch làm hầm biogas thực hiện nếp sống vệ sinh, giải quyết chất đốt,...

2.2. Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số khởi đầu từ “Chương trình Hưng biên phú dân”

Chương trình “*Hưng biên phú dân*” nhằm: “chấn hưng biên giới, phú dụ biên dân, tăng cường đoàn kết dân tộc, duy trì ổn định vùng biên, thực hiện cấu trúc xã hội hài hoà CNXH mang màu sắc Trung Quốc” được thực hiện ở giai đoạn đầu (2000 - 2005) và giai đoạn 2 (2006 - 2010). Trên cơ sở, tập trung giúp đỡ các dân tộc thiểu số, đặc biệt là nhóm có dân số ít (dưới 10 vạn người) để đạt mục tiêu: Phú dân, Hưng biên, Cường quốc, Mục lân.

Biện pháp thực hiện là Nhà nước giúp đỡ, tỉnh phụ trách, huyện thực hiện và cả làng tiến hành. Cách thức triển khai Chương trình “*Hưng biên phú dân*” đối với các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới là tiến hành thí điểm trước. Năm 2000, chọn 17/135 huyện biên giới làm điểm. Bốn năm sau, nhân đôi số lượng điểm. Cấp chính phủ chọn châu làm thí điểm, khu tự trị dân tộc và tỉnh chọn huyện thí điểm và huyện trọng điểm cấp tỉnh. Giai đoạn 2006 - 2010: tiến hành đồng loạt ở 135 huyện trên toàn biên giới tiếp giáp với 14 nước láng giềng.

“*Hưng biên Phú dân*” trở thành bộ phận quan trọng trong quy hoạch xây dựng phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới của Trung Quốc. Kết quả bước đầu của chương trình đã

góp phần xóa đói, giảm nghèo và thúc đẩy kinh tế của các tộc người ở vùng khó khăn, biên giới. Vân Nam, một tỉnh chiếm 25/55 dân tộc thiểu số cả nước, có nhiều dân tộc ở vùng biên giới với các nước Việt Nam, Lào và Myanmar; dân số các dân tộc thiểu số chiếm 38,07%; phát triển tương đối chậm so với những khu vực khác; người đông đất chật, đất đồng bằng ít, đồi núi nhiều; hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nhất nước. Từ khi thực hiện chính sách mở cửa biên giới và chế độ kinh tế thị trường XHCN, hàng loạt các kế hoạch phát triển đồng bộ cả kinh tế, bảo tồn văn hóa, ... được triển khai để phát triển kinh tế dân tộc đã có bước phát triển ngoạn mục (Những công trình nghiên cứu dân tộc học ở Vân Nam, năm 2007, tr. 5, 46, 47 và 54).

2.3. Chương trình giúp đỡ phát triển các dân tộc thiểu số có dân số ít vùng biên cương

Theo Ủy ban Dân tộc Trung ương Trung Quốc, quốc gia rộng lớn này có 22 dân tộc thuộc diện dân số ít trên tổng số 55 dân tộc cả nước với gần 70 vạn người. Phân bố rải rác tại các làng vùng biên giới phía Tây Nam và phía Nam, thuộc 10 khu tự trị và tỉnh của Trung Quốc, những dân tộc này đa số là nghèo, trình độ sản xuất chưa phát triển và điều kiện sinh hoạt còn ở mức thấp so với các dân tộc vùng thấp và sâu trong nội địa.

Chương trình trợ giúp các dân tộc dân số ít của “*Hưng biên phú dân*” Giai đoạn II (Kế hoạch 5 năm lần thứ XI, 2006 - 2010) do Ủy ban Dân tộc Trung ương hoạch định và được thông qua năm 2007⁴. Có 640 thôn

⁴ Kế hoạch này thực hiện sau chủ trương cải cách mở cửa vùng biên giới toàn Trung Quốc, cuối năm 1999 (Đặng Thành Đạt, 2007, tr. 146-147).

bản của 86 huyện - nơi có người dân tộc thiểu số sinh sống thuộc diện thực hiện kế hoạch này. Vân Nam là tỉnh có số lượng thôn bản nhiều nhất trong 10 tỉnh thuộc diện này: hơn 320 thôn bản với 11 dân tộc. Quá trình tổ chức, thực hiện và việc quản lý chương trình “*Hung biên phú dân*” để đảm bảo tiến độ thời gian, đối với những tộc người thiểu số có dân số ít đang gặp rất nhiều khó khăn.

Về ngân sách, nguồn vốn do Chính phủ trung ương đầu tư 200 triệu đồng nhân dân tệ (NDT) mỗi năm, trong vòng 5 năm cho 86 huyện⁵. Chương trình này được thực hiện theo phương châm: *Nhà nước giúp đỡ* (vốn ngân sách), *các tỉnh và khu tự trị phụ trách* (trách nhiệm chính), *cấp huyện thực hiện và cả làng cùng tiến hành*. Kết thúc chương trình, các thôn bản phải đảm bảo thực hiện được việc tăng cường cơ sở hạ tầng, cải thiện thật tốt điều kiện sản xuất và sinh hoạt để giúp cho việc gia tăng thu nhập của người dân; tăng cường đào tạo nâng cao tố chất cho người dân; phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế và áp dụng tốt tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

2.4. Chính sách tôn vinh văn hóa dân tộc thiểu số và chương trình xây dựng “Hành lang văn hóa biên cương vạn lý”

Việc thực hiện chính sách văn hóa dân tộc thiểu số ở Trung Quốc giai đoạn những năm gần đây được coi là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Trung Hoa thời hiện đại. Chính sách tôn vinh văn hóa dân

tộc được ưu tiên phát triển toàn diện trên các mặt như: trợ cấp xuất bản, áp dụng các biện pháp đặc thù nhằm tôn trọng và bảo tồn, ủng hộ kế thừa, phát triển, sáng tạo mới văn hóa ưu tú, khuyến khích giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

Những hoạt động phát triển sự nghiệp văn hóa của các dân tộc thiểu số được Chính phủ Trung Quốc tăng cường đầu tư, cung cấp các trang thiết bị cần thiết về văn hóa, thực hiện đào tạo nhân tài văn nghệ, bảo tồn đi đôi với “chỉnh lý di sản văn hóa dân tộc thiểu số”, tích cực phổ cập mạng internet, phủ sóng truyền hình và phát thanh tại những vùng biên cương. Ở những nơi quá hẻo lánh, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng văn hóa cơ sở, gồm các điểm văn hóa, sân vận động thể hội diễn, giao lưu văn hóa dân tộc thiểu số.

Phát triển loại hình du lịch văn hóa dân tộc thiểu số ở các tỉnh, khu tự trị như: Vân Nam, Tân Cương, Tây Tạng và thượng nguồn sông Lan Thương (Mê Kông), đập Tiểu Loan, đập Tam Hiệp... đã và đang thu hút đông du khách trong và ngoài nước. Qua trao đổi khoa học với các nhà nghiên cứu Trung Quốc và đợt công tác năm 2009 của chúng tôi ở Vân Nam, Quảng Tây cho thấy, các làng dân tộc thiểu số ngoài quy hoạch dân cư, giao thông, điểm văn hóa, trường học, trạm y tế, nghĩa địa, cơ sở sản xuất, làng đảm bảo môi trường vệ sinh tốt... còn phải có nhà truyền thống hoặc bảo tàng của dân tộc đó (nếu là làng được cấp bằng di tích lịch sử cấp tỉnh trở lên thì được huyện, tỉnh đầu tư thiết kế mô hình). Tuy nhiên, thực tế tại Vân Nam và Quảng Tây, theo các nhà nghiên cứu văn hóa dân tộc Trung Quốc, tình trạng lợi dụng việc cấp bằng di tích lịch

⁵ Trung bình 2.325.581 NDT/huyện; mỗi làng được hưởng mức đầu tư bình quân là 312.500 NDT/năm (Đặng Thành Đạt, 2007, tr. 147).

sử văn hóa để thực hiện hoạt động thương mại ít gắn với bảo tồn đang là vấn đề nhức nhối. Điều này ảnh hưởng đến Chính sách tôn vinh văn hóa dân tộc thiểu số, nhưng chưa được phản ánh trên cơ quan thông tin đại chúng để có những giải pháp xử lý.

Bên cạnh đó, Trung Quốc còn tiến hành Chương trình xây dựng “*Hành lang văn hóa biên cương vạn lý*” tại các tỉnh vùng biên giới. Mục đích của chương trình là nhằm cải thiện một bước sinh hoạt văn hóa cộng đồng thông qua cơ sở văn hóa tập trung công cộng của 640 làng thuộc 9 tỉnh. Chính phủ Trung Quốc đã chi hơn 6 tỷ NDT cho việc thực hiện chương trình này.

2.5. Chính sách đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số

Điểm đáng chú ý là để tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số sở tại, Chính phủ Trung Quốc rất chú trọng công tác giáo dục và chính sách ưu đãi tuyển sinh. Để nâng cao chất lượng cán bộ dân tộc thiểu số, một số các biện pháp cụ thể đã được đưa ra trong Hội nghị công tác dân tộc thiểu số toàn quốc năm 1992 tại Bắc Kinh, nhằm thúc đẩy công tác cải cách các Học viện dân tộc, tuyển sinh những chuyên ngành học cho các vùng và khu tự trị, đặc biệt là vùng Tây và Tây Nam. Việc ưu tiên tuyển sinh vào các trường đại học đối với dân tộc thiểu số được ưu đãi cao. Học viện Dân tộc là nơi đào tạo cán bộ chính trị và chuyên môn để phục vụ sự nghiệp xây dựng CNXH vùng dân tộc thiểu số. Vì vậy, Học viện Dân tộc phải tuyển 65% học viên là con em dân tộc thiểu số. Từ năm 1993, sau Hội nghị công tác cán bộ dân tộc thiểu số, các tỉnh đã có biện pháp thực hiện cụ thể, quy hoạch đào tạo cán bộ sát với

tình hình cải cách mở cửa, phát triển kinh tế thị trường.

Công tác luân chuyển cán bộ ở những địa phương khác nhau của vùng dân tộc thiểu số là quy định bắt buộc trong thời kỳ cải cách mở cửa. Sau mỗi nhiệm kỳ công tác tại địa phương, cán bộ chuyên môn hoặc quản lý được luân chuyển như sau: tỉnh, thành, ban ngành về công tác tại địa phương xã, huyện, châu; một số cán bộ ở cấp châu, huyện được đào tạo, có năng lực phát triển điều về các cấp trên tùy theo năng lực và diện đào tạo cán bộ nguồn cho địa phương.

3. Một số nhận xét

Quan điểm cốt lõi trong chính sách dân tộc và công tác dân tộc của Trung Quốc thời kỳ cải cách, mở cửa vẫn khẳng định kế thừa các quan điểm truyền thống, bên cạnh xác định mối quan hệ hữu cơ với sự nghiệp xây dựng CNXH mang màu sắc Trung Quốc. Quan điểm này lấy phát triển kinh tế các dân tộc thiểu số làm trọng tâm và ngày càng được thể chế hóa, nâng cao tính pháp lý; kiên trì thực hiện Luật tự trị khu vực dân tộc trong thời kỳ mới, có bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với bối cảnh nền kinh tế thị trường. Đồng thời triển khai các giải pháp mới phát triển kinh tế - xã hội tự trị khu vực dân tộc.

Quan điểm coi công tác giáo dục và đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số là then chốt, thực hiện quyền bình đẳng, tự trị dân tộc, cùng phồn vinh dân tộc, thu hút đào tạo cán bộ dân tộc từ nguồn trường học, cán bộ trưởng thành qua hoạt động thực tế ở các vùng dân tộc thiểu số được pháp chế hóa là bất di bất dịch trong thời kỳ cải cách, mở cửa.

Công tác dân tộc và Chính sách dân tộc thiểu số của Trung Quốc thời cải cách mở cửa đã có sự điều chỉnh từ: *Đoàn kết,*

Bình đẳng, Giúp đỡ lẫn nhau sang: Đoàn kết, Bình đẳng, Giúp đỡ lẫn nhau, Xúc tiến các dân tộc cùng phồn vinh phát triển.

Nhà nước áp dụng cơ chế đặc thù, linh hoạt và tính nhân văn đối với các tỉnh có nhiều dân tộc thiểu số và các khu tự trị, châu huyện tự trị, khi thực hiện các chính sách: phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, bảo tồn và giao lưu văn hóa, đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số.

Điểm mới trong chính sách dân tộc thời cải cách mở cửa biên giới là thực hiện chính sách ưu tiên toàn diện đối với các dân tộc thiểu số có dân số ít, khó khăn vùng biên cương. Cởi khai thác miền Tây là nhiệm vụ chiến lược góp phần thực hiện đoàn kết dân tộc, ổn định và phát triển vùng biên giới, góp phần xây dựng CNXH mang màu sắc Trung Quốc.

Chính sách dân tộc Trung Quốc thời hiện đại tiếp tục kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống về chính sách đối với những dân tộc thiểu số và vùng biên cương của các triều đại phong kiến Trung Quốc trong lịch sử. Trên cơ sở đó, xây dựng chính sách dân tộc thiểu số và thực hiện công tác dân tộc trong giai đoạn mới một cách phù hợp, hài hòa giữa các dân tộc trên đất nước Trung Hoa. Chính sách này chú trọng quan hệ với các dân tộc cộng đồng Đông Nam Á, trên nền tảng mở rộng kinh tế và sức mạnh mềm, nhằm phục vụ chiến lược “*một vành đai, một con đường*” của Trung Quốc hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Căn (Chủ biên, 2009), *Chiến lược hưng biên phú dân của Trung Quốc*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
2. Đặng Thành Đạt (2007), *Nghiên cứu so sánh chính sách dân tộc Trung Quốc và Việt Nam thời hiện đại*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, chuyên ngành Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Trần Văn Hà (2009), *Báo cáo Khảo sát trao đổi khoa học với Viện Dân tộc học, Đại học Vân Nam của đoàn cán bộ Viện Dân tộc học, Viện khoa học xã hội Việt Nam*, Ban Hợp tác quốc tế, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Hà Nội.
4. Phan Văn Hùng (2015), *Những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc ở nước ta*, Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước KX.04/11-15, Báo cáo tổng hợp, Hà Nội.
5. Vũ Đình Mười (2015), “Quan hệ tộc người với quốc gia - dân tộc: Quan điểm và chính sách của một số nước châu Á”, *Tap chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 66-75.
6. Nhiều tác giả (2007), “Những công trình nghiên cứu dân tộc học ở Vân Nam”, Viện Văn hóa - Thông tin, *Tap chí Văn hóa nghệ thuật*, Hà Nội.
7. Lê Ngọc Thắng (2010), “Chính sách dân tộc ở Trung Quốc”, trên trang <http://mattran.org.vn/Home/TapChi/so%2076/nrtg.html>.
8. Vương Xuân Tình (2011), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt - Trung*, Báo cáo Tổng hợp Đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.